

Số: 482 /QĐ-UBND

Dân Tiến, ngày 08 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh sách hỗ trợ tiền điện quý IV năm 2025
đối với hộ nghèo trên địa bàn xã Dân Tiến

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ DÂN TIẾN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;
Căn cứ Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ cấu biểu giá bán lẻ điện;
Căn cứ Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội;
Căn cứ Quyết định số 1279/QĐ-BCT ngày 09/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giá bán điện;
Căn cứ Công văn số 4542/STC-KTXH ngày 23/10/2025 của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên về mức hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội;
Theo đề nghị của Trưởng phòng kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách hỗ trợ tiền điện quý IV năm 2025 đối với hộ nghèo trên địa bàn xã Dân Tiến, cụ thể như sau:

Tổng số hộ được hỗ trợ: 341 hộ; số tiền hỗ trợ là: 65.676.600đ (*Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm đồng*)

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế xã, Trưởng phòng giao dịch số 2 - Kho bạc nhà nước khu vực VII và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- TT Đảng ủy xã, TT HĐND xã;
- Đ/c Chủ tịch, các đ/c PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Lưu: VT, LĐVP.

CHỦ TỊCH

Mông Thị Tuyết Nhung

UBND XÃ DÂN TIẾN**BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN CHO HỘ NGHÈO
QUÝ IV NĂM 2025 XÃ DÂN TIẾN***(Kèm theo Quyết định số: 482 /QĐ-UBND ngày 08/12/2025 của UBND xã Dân Tiến)*

STT	Đơn vị	Tổng số hộ	Số khẩu	Mức hỗ trợ tiền điện	Số tháng được hưởng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Đông Rã	16	47	64.200	3	3.081.600	
2	Bắc Phong	18	83	64.200	3	3.466.800	
3	Tân Tiến	52	241	64.200	3	10.015.200	
4	Đoàn Kết	15	53	64.200	3	2.889.000	
5	Đông Quán	4	14	64.200	3	770.400	
6	Làng Chẽ	13	48	64.200	3	2.503.800	
7	Làng Mươi	8	25	64.200	3	1.540.800	
8	Lân Vai	26	123	64.200	3	5.007.600	
9	Đông Chuối	6	13	64.200	3	1.155.600	
10	Ba Phiêng	6	17	64.200	3	1.155.600	
11	Thịnh Khánh	2	6	64.200	3	385.200	
12	Phương Bá	2	11	64.200	3	385.200	
13	Đông Vòi	1	1	64.200	3	192.600	
14	Chợ	4	15	64.200	3	770.400	
15	Đông Thắng	10	35	64.200	3	1.926.000	
16	Bình Tiến	7	19	64.200	3	1.348.200	
17	Liên Bình	9	41	64.200	3	1.733.400	
18	Chùa Búra	10	24	64.200	3	1.926.000	
19	Quảng Phúc	10	50	64.200	3	1.926.000	
20	An Long	3	10	64.200	3	577.800	
21	Đại Long	4	16	64.200	3	770.400	
22	Đèo Ngà	7	33	64.200	3	1.348.200	
23	Long Thành	13	37	64.200	3	2.503.800	
24	Nà Sọc	10	32	64.200	3	1.926.000	
25	Vễn	4	11	64.200	3	770.400	
26	Đông Bản	4	8	64.200	3	770.400	
27	Phố	4	13	64.200	3	770.400	
28	Xuất Tác	5	20	64.200	3	963.000	

29	Đồng Dong	41	228	64.200	3	7.896.600	
30	Mìn	2	12	64.200	3	385.200	
31	Cao Bản	6	30	64.200	3	1.155.600	
32	Đồng Nhất	6	26	64.200	3	1.155.600	
33	Phủ Trì	1	5	64.200	3	192.600	
34	Na Bà	5	20	64.200	3	963.000	
35	Nà Canh	2	9	64.200	3	385.200	
36	Giữa	5	12	64.200	3	963.000	
TỔNG		341	1.388			65.676.600	

DANH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN CHO HỘ NGHÈO QUÝ IV NĂM 2025 XÃ DÂN TIỀN

(Kèm theo Quyết định số: 482 /QĐ-UBND ngày 08 / 12 /2025 của UBND xã Dân Tiên)

TT	Họ và tên chủ hộ	Xóm	Số nhân khẩu trong hộ	Mức hỗ trợ (đồng/tháng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)
1	Nguyễn Thị Ngọc	Ba Phiêng	3	64.200	3	192.600
2	Bùi Văn Niên	Ba Phiêng	1	64.200	3	192.600
3	Lê Thị Hà	Ba Phiêng	2	64.200	3	192.600
4	Bé Văn Hạnh	Ba Phiêng	5	64.200	3	192.600
5	Vũ Văn Lạc	Ba Phiêng	3	64.200	3	192.600
6	Thạch Văn Hòa	Ba Phiêng	3	64.200	3	192.600
7	Trương Văn Cao	Bắc Phong	6	64.200	3	192.600
8	Hoàng Văn Sùng	Bắc Phong	5	64.200	3	192.600
9	Hà Cải Lương	Bắc Phong	2	64.200	3	192.600
10	Hầu Văn Tàn	Bắc Phong	7	64.200	3	192.600
11	Hoàng Văn Cần	Bắc Phong	4	64.200	3	192.600
12	Hầu Văn Xuân	Bắc Phong	5	64.200	3	192.600
13	Lê Quỳnh Lưu	Bắc Phong	3	64.200	3	192.600
14	Trần Văn Khoa	Bắc Phong	3	64.200	3	192.600
15	Hoàng Văn Châu	Bắc Phong	4	64.200	3	192.600
16	Lã Thị Hoa	Bắc Phong	2	64.200	3	192.600
17	Trương Văn Chức	Bắc Phong	5	64.200	3	192.600
18	Dương Văn Vứ	Bắc Phong	9	64.200	3	192.600
19	Hoàng Văn Đình	Bắc Phong	5	64.200	3	192.600
20	Dương Văn Thành	Bắc Phong	4	64.200	3	192.600
21	Hoàng Văn Xuân	Bắc Phong	6	64.200	3	192.600
22	Hầu Văn Đình	Bắc Phong	4	64.200	3	192.600
23	Lê Thị Vĩnh	Bắc Phong	2	64.200	3	192.600
24	Hoàng Văn Đạt	Bắc Phong	7	64.200	3	192.600
25	Lê Văn Nga	Đoàn Kết	7	64.200	3	192.600
26	Vũ Văn Hình	Đoàn Kết	4	64.200	3	192.600
27	Đỗ Văn Tinh	Đoàn Kết	4	64.200	3	192.600

28	Đỗ Thị Đề	Đoàn Kết	1	64.200	3	192.600
29	Lê Văn Hiếu	Đoàn Kết	4	64.200	3	192.600
30	Lê Văn Vụ	Đoàn Kết	3	64.200	3	192.600
31	Đỗ Thị Chuyển	Đoàn Kết	2	64.200	3	192.600
32	Lê Thị Dưỡng	Đoàn Kết	4	64.200	3	192.600
33	Nguyễn Thị Mẫn	Đoàn Kết	2	64.200	3	192.600
34	Nguyễn Văn Đăng	Đoàn Kết	4	64.200	3	192.600
35	Lê Thị Vui	Đoàn Kết	1	64.200	3	192.600
36	Phạm Thị Tình	Đoàn Kết	3	64.200	3	192.600
37	Bùi Bắc Nguyên	Đoàn Kết	5	64.200	3	192.600
38	Lê Văn Sửa	Đoàn Kết	7	64.200	3	192.600
39	Lê Thị Trang	Đoàn Kết	2	64.200	3	192.600
40	Hà Văn Mong	Đồng Chuối	2	64.200	3	192.600
41	Hoàng Văn Hưng	Đồng Chuối	3	64.200	3	192.600
42	Nguyễn Công Đoài	Đồng Chuối	2	64.200	3	192.600
43	Hà Thị Tươi	Đồng Chuối	2	64.200	3	192.600
44	Lê Thị Ninh	Đồng Chuối	3	64.200	3	192.600
45	Hà Thị Đàm	Đồng Chuối	1	64.200	3	192.600
46	Âu Văn Long	Đồng Quán	4	64.200	3	192.600
47	Trần Thị Môn	Đồng Quán	4	64.200	3	192.600
48	Đàm Thị Thành	Đồng Quán	1	64.200	3	192.600
49	Hoàng Thị Khánh	Đồng Rã	2	64.200	3	192.600
50	Lã Văn Hùng	Đồng Rã	3	64.200	3	192.600
51	Nông Văn Báo	Đồng Rã	3	64.200	3	192.600
52	Lý Văn Tình	Đồng Rã	3	64.200	3	192.600
53	Hoàng Văn Nhâm	Đồng Rã	3	64.200	3	192.600
54	Mông Văn Nhất	Đồng Rã	3	64.200	3	192.600
55	Lã Thị Oanh	Đồng Rã	1	64.200	3	192.600
56	Đỗ Thị Nga	Đồng Rã	3	64.200	3	192.600
57	Mông Văn Cun	Đồng Rã	3	64.200	3	192.600
58	Sầm Thị Nhi	Đồng Rã	1	64.200	3	192.600
59	Mông Văn Quyết	Đồng Rã	6	64.200	3	192.600

60	Nguyễn Văn Kinh	Đông Rã	3	64.200	3	192.600
61	Hoàng Văn Lược	Đông Rã	3	64.200	3	192.600
62	Nông Văn Vui	Đông Rã	5	64.200	3	192.600
63	Mông Văn Tường	Đông Rã	4	64.200	3	192.600
64	Mông Thị Suối	Đông Rã	1	64.200	3	192.600
65	Lê Thị Đám	Đông Vòi	1	64.200	3	192.600
66	Hoàng Văn Chương	Làng Chẽ	4	64.200	3	192.600
67	Nịnh Thị Liên	Làng Chẽ	4	64.200	3	192.600
68	Hoàng Văn Tài	Làng Chẽ	6	64.200	3	192.600
69	Trần Văn Phụng	Làng Chẽ	1	64.200	3	192.600
70	Đàm Văn Nghiêm	Làng Chẽ	2	64.200	3	192.600
71	Âu Thị Anh	Làng Chẽ	3	64.200	3	192.600
72	Trần Văn Viện	Làng Chẽ	3	64.200	3	192.600
73	Trần Văn Công	Làng Chẽ	4	64.200	3	192.600
74	Hoàng Văn Minh	Làng Chẽ	3	64.200	3	192.600
75	Âu Văn Giai	Làng Chẽ	2	64.200	3	192.600
76	Hoàng Văn Nội	Làng Chẽ	5	64.200	3	192.600
77	Đỗ Thị Mơ	Làng Chẽ	4	64.200	3	192.600
78	Phan Thị Vân	Làng Chẽ	7	64.200	3	192.600
79	Nguyễn Văn Lợi	Làng Mươi	3	64.200	3	192.600
80	Lý Văn Đại	Làng Mươi	3	64.200	3	192.600
81	Triệu Tài Trường	Làng Mươi	3	64.200	3	192.600
82	Phan Văn Chi	Làng Mươi	4	64.200	3	192.600
83	Nguyễn Văn Nguyên	Làng Mươi	2	64.200	3	192.600
84	Triệu Thị Đào	Làng Mươi	2	64.200	3	192.600
85	Triệu Thị Dương	Làng Mươi	3	64.200	3	192.600
86	Dương Thị Ánh	Làng Mươi	5	64.200	3	192.600
87	Hoàng Văn Dinh	Lân Vai	6	64.200	3	192.600
88	Dương Văn Minh	Lân Vai	4	64.200	3	192.600
89	Lý Văn Tu	Lân Vai	3	64.200	3	192.600
90	Hoàng Thị Pằng	Lân Vai	3	64.200	3	192.600
91	Lý Văn Mai	Lân Vai	6	64.200	3	192.600

92	Đào Văn Vinh	Lân Vai	4	64.200	3	192.600
93	Đào Văn Dinh B	Lân Vai	5	64.200	3	192.600
94	Trương Văn Dê	Lân Vai	6	64.200	3	192.600
95	Trần Văn Vừ	Lân Vai	5	64.200	3	192.600
96	Hầu Văn Dũng	Lân Vai	5	64.200	3	192.600
97	Lý Văn Xanh	Lân Vai	8	64.200	3	192.600
98	Hoàng Văn Minh	Lân Vai	4	64.200	3	192.600
99	Đào Văn Sinh	Lân Vai	6	64.200	3	192.600
100	Đào Văn Thắng	Lân Vai	4	64.200	3	192.600
101	Hầu Văn Sinh	Lân Vai	5	64.200	3	192.600
102	Lý Văn Hình	Lân Vai	4	64.200	3	192.600
103	Hầu Văn Phình	Lân Vai	5	64.200	3	192.600
104	Đào Văn Phong	Lân Vai	5	64.200	3	192.600
105	Hoàng Văn Phương	Lân Vai	4	64.200	3	192.600
106	Đào Văn Minh	Lân Vai	3	64.200	3	192.600
107	Đào Văn Trái	Lân Vai	4	64.200	3	192.600
108	Lý Sông Hồng	Lân Vai	6	64.200	3	192.600
109	Lý Văn Dê	Lân Vai	8	64.200	3	192.600
110	Đào Văn Phình	Lân Vai	4	64.200	3	192.600
111	Lý Văn Văng	Lân Vai	4	64.200	3	192.600
112	Lý Văn Lùng	Lân Vai	2	64.200	3	192.600
113	Nguyễn Văn Chí	Phương Bá	6	64.200	3	192.600
114	Lương Văn Quỳnh	Phương Bá	5	64.200	3	192.600
115	Lý Văn Linh	Tân Tiến	5	64.200	3	192.600
116	Nguyễn Thị Tình	Tân Tiến	3	64.200	3	192.600
117	Lâu Văn Ca	Tân Tiến	8	64.200	3	192.600
118	Lý Thị Xí	Tân Tiến	5	64.200	3	192.600
119	Lâu A Sánh	Tân Tiến	5	64.200	3	192.600
120	La Văn Trần	Tân Tiến	5	64.200	3	192.600
121	La Văn Nhị	Tân Tiến	6	64.200	3	192.600
122	Đào Văn Sinh	Tân Tiến	5	64.200	3	192.600
123	Dương Văn Linh	Tân Tiến	5	64.200	3	192.600

124	Lý Văn Phong	Tân Tiến	4	64.200	3	192.600
125	Lý Thị Sía	Tân Tiến	5	64.200	3	192.600
126	Lý Văn Dung	Tân Tiến	3	64.200	3	192.600
127	Lê Văn Nam	Tân Tiến	3	64.200	3	192.600
128	Nông Thị Tới	Tân Tiến	1	64.200	3	192.600
129	Lý Văn Giàng	Tân Tiến	5	64.200	3	192.600
130	Lê Thị Vui	Tân Tiến	2	64.200	3	192.600
131	Ngô Văn Thà	Tân Tiến	9	64.200	3	192.600
132	Nguyễn Ngọc Phú	Tân Tiến	2	64.200	3	192.600
133	Mạ Thị Sái	Tân Tiến	2	64.200	3	192.600
134	Đào Thị My	Tân Tiến	4	64.200	3	192.600
135	Hầu Văn Khiào	Tân Tiến	7	64.200	3	192.600
136	Sùng A Pá	Tân Tiến	4	64.200	3	192.600
137	Lý Văn Dé	Tân Tiến	8	64.200	3	192.600
138	Hoàng Văn Anh	Tân Tiến	6	64.200	3	192.600
139	Hứa Văn Hoàn	Tân Tiến	4	64.200	3	192.600
140	Dương Văn Súng	Tân Tiến	4	64.200	3	192.600
141	Lý Văn Tu	Tân Tiến	3	64.200	3	192.600
142	Dương Văn Cọ	Tân Tiến	6	64.200	3	192.600
143	Dương Văn Vừ	Tân Tiến	4	64.200	3	192.600
144	Mạ Văn Linh	Tân Tiến	6	64.200	3	192.600
145	Mạ Văn Pá	Tân Tiến	6	64.200	3	192.600
146	Lý Văn Đài	Tân Tiến	8	64.200	3	192.600
147	Ngô Văn Tác	Tân Tiến	4	64.200	3	192.600
148	Lê Thị Lan	Tân Tiến	1	64.200	3	192.600
149	Lý Văn Sùng	Tân Tiến	8	64.200	3	192.600
150	Mạ Văn Sinh	Tân Tiến	7	64.200	3	192.600
151	Nông Văn Phòng	Tân Tiến	5	64.200	3	192.600
152	Dương Văn Khinh	Tân Tiến	3	64.200	3	192.600
153	Hầu Văn Minh	Tân Tiến	4	64.200	3	192.600
154	Lê Văn Thi	Tân Tiến	1	64.200	3	192.600
155	Lâu Thị Vàng	Tân Tiến	6	64.200	3	192.600

156	Lâu Song Tu	Tân Tiến	6	64.200	3	192.600
157	Lê Văn Lự	Tân Tiến	1	64.200	3	192.600
158	Dương Quý Đôn	Tân Tiến	4	64.200	3	192.600
159	Lý Văn Dàng	Tân Tiến	5	64.200	3	192.600
160	Ngô Thị Vàng	Tân Tiến	8	64.200	3	192.600
161	Đặng Thị Thắng	Tân Tiến	3	64.200	3	192.600
162	Lê Thị Lý	Tân Tiến	2	64.200	3	192.600
163	Lâu A Dầu	Tân Tiến	5	64.200	3	192.600
164	Dương Văn Quý	Tân Tiến	4	64.200	3	192.600
165	Dương Văn Cường	Tân Tiến	6	64.200	3	192.600
166	Lý Thanh Tùng	Tân Tiến	5	64.200	3	192.600
167	Nguyễn Cường Thịnh	Thịnh Khánh	3	64.200	3	192.600
168	Hoàng Văn Mười	Thịnh Khánh	3	64.200	3	192.600
169	Ma Thị Lương	Liên Bình	4	64.200	3	192.600
170	Hoàng Văn Thi	Liên Bình	9	64.200	3	192.600
171	Lương Thị Việt	Liên Bình	4	64.200	3	192.600
172	Nguyễn Đình Quốc	Liên Bình	2	64.200	3	192.600
173	Triệu Thị Lan	Liên Bình	3	64.200	3	192.600
174	Sâm Văn Làn	Liên Bình	4	64.200	3	192.600
175	Chu Văn Thịnh	Liên Bình	6	64.200	3	192.600
176	Lê Thị Hiên	Liên Bình	6	64.200	3	192.600
177	Ngọc Văn Xuân	Liên Bình	3	64.200	3	192.600
178	Đỗ Thị Nghi	An Long	4	64.200	3	192.600
179	Chu Văn Ly	An Long	5	64.200	3	192.600
180	Phùng Văn Khánh	An Long	1	64.200	3	192.600
181	Chu Thị Chính	Bình Tiến	5	64.200	3	192.600
182	Hoàng Thị Mai	Bình Tiến	5	64.200	3	192.600
183	Nguyễn Văn Quyết	Bình Tiến	4	64.200	3	192.600
184	Triệu Thị Lý	Bình Tiến	2	64.200	3	192.600
185	Khúc Thị Rễ	Bình Tiến	1	64.200	3	192.600
186	Lý Thành Dinh	Bình Tiến	1	64.200	3	192.600
187	Nguyễn Thị Canh	Bình Tiến	1	64.200	3	192.600

188	Triệu Thị Bằng	Chợ	6	64.200	3	192.600
189	Đào Thị Thục	Chợ	1	64.200	3	192.600
190	Ma Văn Hiệp	Chợ	6	64.200	3	192.600
191	Hoàng Văn Đức	Chợ	2	64.200	3	192.600
192	Triệu Sinh Đường	Chùa Búra	2	64.200	3	192.600
193	Đặng Thị Ba	Chùa Búra	1	64.200	3	192.600
194	Triệu Thị Nảy	Chùa Búra	1	64.200	3	192.600
195	Phan Văn Khuyên	Chùa Búra	4	64.200	3	192.600
196	Phan Văn Bậy	Chùa Búra	3	64.200	3	192.600
197	Phạm Văn Chung	Chùa Búra	4	64.200	3	192.600
198	Phan Văn Chanh	Chùa Búra	2	64.200	3	192.600
199	Dương Thị Ba	Chùa Búra	1	64.200	3	192.600
200	Đỗ Thị Hoan	Chùa Búra	1	64.200	3	192.600
201	Đỗ Tường Diễm	Chùa Búra	5	64.200	3	192.600
202	Nguyễn Thị Hệ	Đại Long	8	64.200	3	192.600
203	Trần Văn Quyền	Đại Long	2	64.200	3	192.600
204	Lê Thị Toan	Đại Long	2	64.200	3	192.600
205	Nguyễn Đức Viên	Đại Long	4	64.200	3	192.600
206	Phùng Văn Huy	Đèo Ngà	4	64.200	3	192.600
207	Lương Văn Thân	Đèo Ngà	5	64.200	3	192.600
208	Lưu Văn Nghĩa	Đèo Ngà	5	64.200	3	192.600
209	Lương Văn Cường	Đèo Ngà	4	64.200	3	192.600
210	Triệu Văn Trung	Đèo Ngà	5	64.200	3	192.600
211	Nông Thị Tuyết	Đèo Ngà	5	64.200	3	192.600
212	Lương Văn Hùng	Đèo Ngà	5	64.200	3	192.600
213	Triệu Sinh Hải	Đồng Bản	2	64.200	3	192.600
214	Lý Văn Hiên	Đồng Bản	3	64.200	3	192.600
215	Lưu Thị Nguyệt	Đồng Bản	2	64.200	3	192.600
216	Triệu Thị Sinh	Đồng Bản	1	64.200	3	192.600
217	Nguyễn Thanh Hoài	Đồng Thắng	4	64.200	3	192.600
218	Phạm Thị Minh	Đồng Thắng	1	64.200	3	192.600
219	Phạm Hữu Phúc	Đồng Thắng	2	64.200	3	192.600

220	Lê Quang Hòa	Đông Thắng	4	64.200	3	192.600
221	Lê Thị Miên	Đông Thắng	1	64.200	3	192.600
222	Nguyễn Văn Thanh	Đông Thắng	5	64.200	3	192.600
223	Hoàng Thị Nhật	Đông Thắng	4	64.200	3	192.600
224	Phạm Như Long	Đông Thắng	6	64.200	3	192.600
225	Nguyễn Văn Thương	Đông Thắng	4	64.200	3	192.600
226	Trần Thị Biên	Đông Thắng	4	64.200	3	192.600
227	Lương Hồng Tuất	Long Thành	3	64.200	3	192.600
228	Nông Văn Hồng	Long Thành	5	64.200	3	192.600
229	Lương Thị Toàn	Long Thành	3	64.200	3	192.600
230	Lương Văn Dư	Long Thành	2	64.200	3	192.600
231	Lương Văn Minh	Long Thành	3	64.200	3	192.600
232	Lương Văn Chất	Long Thành	1	64.200	3	192.600
233	Lương Văn Đạt	Long Thành	4	64.200	3	192.600
234	Lương Văn Điệp	Long Thành	4	64.200	3	192.600
235	Lương Văn Nhi	Long Thành	3	64.200	3	192.600
236	Lương Văn Thông	Long Thành	1	64.200	3	192.600
237	Triệu Văn Thông	Long Thành	2	64.200	3	192.600
238	Đông Văn Tặng	Long Thành	4	64.200	3	192.600
239	Nguyễn Văn Chí	Long Thành	2	64.200	3	192.600
240	Nguyễn Thị Hoàn	Nà Sọc	2	64.200	3	192.600
241	Tăng Văn Thân	Nà Sọc	2	64.200	3	192.600
242	Nguyễn Thị Hòa	Nà Sọc	2	64.200	3	192.600
243	Hoàng Văn Thêm	Nà Sọc	2	64.200	3	192.600
244	Hà Thị Tho	Nà Sọc	4	64.200	3	192.600
245	Hà Văn Lương	Nà Sọc	4	64.200	3	192.600
246	Nguyễn Văn May	Nà Sọc	6	64.200	3	192.600
247	Hà Văn Thường	Nà Sọc	5	64.200	3	192.600
248	Hoàng Thị Tiến	Nà Sọc	1	64.200	3	192.600
249	Hoàng Văn Doanh	Nà Sọc	4	64.200	3	192.600
250	Triệu Văn Tân	Phố	6	64.200	3	192.600
251	Triệu Văn Vương	Phố	3	64.200	3	192.600

252	Trần Văn Toàn	Phố	3	64.200	3	192.600
253	Cam Thị Mão	Phố	1	64.200	3	192.600
254	Lương Thị Gái	Quảng Phúc	3	64.200	3	192.600
255	Lý Thị Thay	Quảng Phúc	5	64.200	3	192.600
256	Giàng Thị Sang	Quảng Phúc	4	64.200	3	192.600
257	Nguyễn Văn Tuấn	Quảng Phúc	6	64.200	3	192.600
258	Nịnh Thị Phương	Quảng Phúc	3	64.200	3	192.600
259	Nguyễn Văn Tín	Quảng Phúc	5	64.200	3	192.600
260	Nông Văn Định	Quảng Phúc	7	64.200	3	192.600
261	Lưu Thị Tâm	Quảng Phúc	1	64.200	3	192.600
262	Hoàng Văn Hòa	Quảng Phúc	9	64.200	3	192.600
263	Dương Văn Hùng	Quảng Phúc	7	64.200	3	192.600
264	Nguyễn Văn Đoàn	Vễn	4	64.200	3	192.600
265	Nguyễn Văn Quảng	Vễn	2	64.200	3	192.600
266	Nông Thị Lan	Vễn	4	64.200	3	192.600
267	Nguyễn Văn Bồng	Vễn	1	64.200	3	192.600
268	Trần Văn Sức	Cao Bản	7	64.200	3	192.600
269	Đặng Văn Vui	Cao Bản	7	64.200	3	192.600
270	Trần Thanh Tô	Cao Bản	6	64.200	3	192.600
271	Đặng Văn Hạnh	Cao Bản	4	64.200	3	192.600
272	Đặng Thanh Hùng	Cao Bản	3	64.200	3	192.600
273	Đặng Thị Sim	Cao Bản	3	64.200	3	192.600
274	Đặng Thị Liêm	Mìn	3	64.200	3	192.600
275	Đặng Văn San	Mìn	9	64.200	3	192.600
276	Hoàng Thị Đảm	Giữa	1	64.200	3	192.600
277	Hoàng Văn Luân	Giữa	4	64.200	3	192.600
278	Hoàng Văn Nhị	Giữa	3	64.200	3	192.600
279	Đặng Thị Thuật	Giữa	2	64.200	3	192.600
280	Đặng Việt Dũng	Giữa	2	64.200	3	192.600
281	Dương Công Lộc	Phủ Trì	5	64.200	3	192.600
282	Triệu Phúc Hòa	Đồng Nhất	4	64.200	3	192.600
283	Đỗ Thị Tươi	Đồng Nhất	2	64.200	3	192.600

284	Tô Thị Kiên	Đồng Nhất	6	64.200	3	192.600
285	Triệu Tiến Chi	Đồng Nhất	3	64.200	3	192.600
286	Triệu Tiến Lương	Đồng Nhất	3	64.200	3	192.600
287	Triệu Tiên Lâm	Đồng Nhất	8	64.200	3	192.600
288	Hoàng Thị Sánh	Nà Canh	4	64.200	3	192.600
289	Bé Thị Ruyên	Nà Canh	5	64.200	3	192.600
290	Bàn Sinh Hồng	Na Bả	4	64.200	3	192.600
291	Bàn Tiến Đường	Na Bả	4	64.200	3	192.600
292	Đặng Hữu Lâm	Na Bả	3	64.200	3	192.600
293	Triệu Long Tài	Na Bả	3	64.200	3	192.600
294	Bàn Sinh Lâm	Na Bả	6	64.200	3	192.600
295	Hoàng Xuân Tập	Xuất Tác	9	64.200	3	192.600
296	Dương Thị Kiềm	Xuất Tác	1	64.200	3	192.600
297	Vy Thị Nhung	Xuất Tác	2	64.200	3	192.600
298	Đỗ Thị Thắm	Xuất Tác	3	64.200	3	192.600
299	Nguyễn Văn Đức	Xuất Tác	5	64.200	3	192.600
300	Hoàng Văn Trọng	Đồng Dong	2	64.200	3	192.600
301	Hoàng Thị Kính	Đồng Dong	1	64.200	3	192.600
302	Dương Thị Ngoan	Đồng Dong	1	64.200	3	192.600
303	Dương Văn Sử	Đồng Dong	4	64.200	3	192.600
304	Lý Văn Đình	Đồng Dong	5	64.200	3	192.600
305	Lý Văn Sầu	Đồng Dong	5	64.200	3	192.600
306	Hoàng Thị Bình	Đồng Dong	7	64.200	3	192.600
307	Lý Văn Tu	Đồng Dong	10	64.200	3	192.600
308	Vương Văn Tuấn	Đồng Dong	5	64.200	3	192.600
309	Vương Văn Kỹ	Đồng Dong	4	64.200	3	192.600
310	Lý Văn Sông	Đồng Dong	6	64.200	3	192.600
311	Lý Văn Hậu	Đồng Dong	6	64.200	3	192.600
312	Lý Văn Thành	Đồng Dong	3	64.200	3	192.600
313	Lý Văn Hành	Đồng Dong	4	64.200	3	192.600
314	Lý Văn Đài	Đồng Dong	5	64.200	3	192.600
315	Hoàng Văn Súa B	Đồng Dong	5	64.200	3	192.600

316	Đào Văn Dũng	Đồng Dong	5	64.200	3	192.600
317	Hoàng Văn Vàng	Đồng Dong	7	64.200	3	192.600
318	Dương Văn Páo	Đồng Dong	6	64.200	3	192.600
319	Dương Văn Hầu	Đồng Dong	7	64.200	3	192.600
320	Dương Văn Tu B	Đồng Dong	6	64.200	3	192.600
321	Dương Văn Quang	Đồng Dong	4	64.200	3	192.600
322	Lý Mạnh Cường	Đồng Dong	4	64.200	3	192.600
323	Hoàng Văn Mênh	Đồng Dong	5	64.200	3	192.600
324	Vương Chông Páo	Đồng Dong	8	64.200	3	192.600
325	Lý Văn Mài	Đồng Dong	5	64.200	3	192.600
326	Đào Thị Bình	Đồng Dong	7	64.200	3	192.600
327	Dương Văn Sơn	Đồng Dong	6	64.200	3	192.600
328	Hoàng Thị Trinh	Đồng Dong	9	64.200	3	192.600
329	Hoàng Văn Tình	Đồng Dong	5	64.200	3	192.600
330	Lý Văn Xuân	Đồng Dong	7	64.200	3	192.600
331	Hoàng Văn Báo	Đồng Dong	3	64.200	3	192.600
332	Dương Văn Lệnh	Đồng Dong	9	64.200	3	192.600
333	Hoàng Văn Sinh B	Đồng Dong	7	64.200	3	192.600
334	Dương Văn Nó A	Đồng Dong	4	64.200	3	192.600
335	Lý Văn Sàng	Đồng Dong	6	64.200	3	192.600
336	Ngô Văn Sùng	Đồng Dong	6	64.200	3	192.600
337	Mã Văn Sinh	Đồng Dong	9	64.200	3	192.600
338	Hoàng Văn Chinh	Đồng Dong	7	64.200	3	192.600
339	Vương Thị Sáy	Đồng Dong	6	64.200	3	192.600
340	Hoàng Văn Páo	Đồng Dong	7	64.200	3	192.600
341	Đàm Văn Lành	Đồng Quán	5	64.200	3	192.600
Tổng cộng: 341 hộ			1388			65.676.600